

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 11 - 2021

V/v tranh chấp “thừa kế tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

*Các Thẩm phán:*

Ông Lê Thanh Vân

Bà Trần Thị Kim Em

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Toà án.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 537/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp “thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 664/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:*

1.1. Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 1955, chết ngày 10/10/2021.

1.2. Chị Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1958 (có mặt).

1.3. Chị Huỳnh Thị S, sinh năm 1966 (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của chị Sáu:* chị Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1958, là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 25/01/2021 – có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.4. Anh Huỳnh Văn N, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Ấp X, xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1.5. Anh Huỳnh Văn Ph, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, Xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hoàng A – Văn phòng luật sư H – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

## 2. Bị đơn:

2.1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (có mặt).

2.2. Chị Huỳnh Kim Ng, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Võ Tuấn Vĩnh Th - Công ty Luật TNHH MTV VT (có mặt).

## 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Ấp Q, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc B – Chức vụ: Chủ tịch (vắng mặt).

## 4. Người kháng cáo:

4.1. Nguyên đơn: Huỳnh Thanh S, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị S, Huỳnh Văn N, Huỳnh Văn Ph.

4.2. Bị đơn: Nguyễn Thị T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### *Theo bản án sơ thẩm:*

Các nguyên đơn yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 434529, số vào sổ cấp GCN CH03582 do UBND huyện C cấp cho hộ anh Huỳnh Văn N ngày 06/12/2017; Yêu cầu xác định thửa đất số 01, tờ bản đồ số 16, diện tích 796m<sup>2</sup> tọa lạc Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của cụ Huỳnh Văn V và cụ Trần Thị C; Chia thừa kế theo pháp luật sau khi trừ ra phần đất có căn nhà diện tích khoảng 200m<sup>2</sup>, hàng thừa kế gồm 06 người nên mỗi kỹ phần là 99,33m<sup>2</sup>.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T và chị Huỳnh Kim Ng không đồng ý theo yêu cầu của các nguyên đơn. Hai chị cho rằng phần đất này là di sản của anh Huỳnh Văn N, anh N đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất này.

Cơ quan có nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C không có văn bản trình bày ý kiến, đề nghị giải quyết vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và xét xử.

Luật sư Võ Tuấn Vĩnh Th bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Thị T, Huỳnh Kim Ng cho rằng các nguyên đơn yêu cầu xác định phần đất diện tích 796m<sup>2</sup> là di sản của cụ C là không có căn cứ theo qui định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự. Riêng hộ anh N thì vào ngày 06/12/2017 được cấp quyền sử dụng và giấy chứng nhận vẫn còn giá trị pháp lý, do đó yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn là không có cơ sở. Tuy nhiên, về nguồn gốc phần đất này là của cụ C nhưng đã ký cho anh N vào năm 1996. Đến năm 2003, cụ C thay mặt anh N đăng ký mới và anh N đã được cấp giấy chứng nhận vào năm 2017, những giấy tờ cấp cho cụ C đã được thu hồi. Trên phần đất diện tích

796m<sup>2</sup> có tài sản gắn liền là nhà, kho..., trong quá trình sử dụng chị T có sửa chữa. Trước đây anh N là chủ có hợp đồng tặng cho anh N doanh nghiệp tư nhân TB, do đó có căn cứ xác định tài sản trên đất là của anh N. Luật sư xác định nếu có thì di sản của cụ C là căn nhà thờ nhưng chị T có đầu tư, sửa chữa nhưng không định giá riêng từng phần và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 609, 610, 612, 613, 650 và 651 của Bộ luật dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Huỳnh Thanh S, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị S, Huỳnh Văn N và Huỳnh Văn Ph.

Xác định phần đất diện tích 796m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang là di sản của bà Trần Thị C. Chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Trần Thị C mỗi người một kỷ phần là phần đất diện tích 132,66m<sup>2</sup>. Do ở hàng đơn vị có số lẻ và giá trị chênh lệch không cao nên khi cắt chia diện tích sẽ được làm tròn, cụ thể như sau:

- Chia cho anh Huỳnh Thanh S, Huỳnh Văn N và Huỳnh Văn Ph phần đất diện tích 397,8m<sup>2</sup>, có tứ cận: (trị giá 259.763.400 đồng)

Hướng Đông giáp Đình thần P.

Hướng Tây giáp chân cầu huyện lộ z.

Hướng Nam giáp DNTN TB (nay đổi thành Huỳnh Văn N và Nguyễn Thị T) và đất của anh Nguyễn Trung Th.

Hướng Bắc giáp đất chia cho chị Nguyễn Thị T, Huỳnh Kim Ng và đất chia cho chị Huỳnh Thị Kim H.

- Chia cho chị Huỳnh Thị S phần đất diện tích 132.8m<sup>2</sup>, có tứ cận:

Hướng Đông, Nam giáp Đình thần P.

Hướng Tây giáp đất chia cho chị Huỳnh Thị Kim H.

Hướng Bắc giáp đường bê tông.

- Chia cho chị Huỳnh Thị Kim H phần đất diện tích 132.7m<sup>2</sup>, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất chia cho chị Huỳnh Thị S.

Hướng Tây giáp đất chia cho chị Nguyễn Thị T và Huỳnh Kim Ng.

Hướng Nam giáp đất chia cho anh Huỳnh Thanh S, Huỳnh Văn N và Huỳnh Văn Ph.

Hướng Bắc giáp đất đường bê tông.

- Chia cho chị Nguyễn Thị T và Huỳnh Kim Ng phần đất diện tích 132,7m<sup>2</sup>, có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất chia cho chị Huỳnh Thị Kim H.

Hướng Tây giáp chân cầu huyện lộ z.

Hướng Nam giáp đất chia cho anh Huỳnh Thanh S, Huỳnh Văn N và Huỳnh Văn Ph.

Hướng Bắc giáp đất đường bê tông.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

Buộc anh Huỳnh Thanh S, chị Huỳnh Thị Kim H, chị Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn N và anh Huỳnh Văn Ph, mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị T và Huỳnh Kim Ng số tiền 50.158.000 (Năm mươi triệu, một trăm năm mươi tám ngàn) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành thì hành tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Huỳnh Thanh S, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị S, Huỳnh Văn N và Huỳnh Văn Ph, về việc để lại 200m<sup>2</sup> đất làm nhà thờ và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ anh Huỳnh Văn N.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CI 434529, sổ vào sổ cấp GCN CH03582, đối với phần đất thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 16, diện tích 796m<sup>2</sup>, tọa lạc ấp Bình Tịnh, xã P huyện C, tỉnh Tiền Giang, cấp cho hộ anh Huỳnh Văn N vào ngày 06/12/2017.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, bị đơn Nguyễn Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn anh Huỳnh Thanh S, chị Huỳnh Thị Kim H, chị Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn N, anh Huỳnh Văn Ph.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020, các nguyên đơn anh Huỳnh Thanh S, chị Huỳnh Thị Kim H, chị Huỳnh Thị S, anh Huỳnh Văn N, anh Huỳnh Văn Ph kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Yêu cầu chia cho chị Nguyễn Thị T và chị Huỳnh Kim Ng phần đất diện tích 132,7m<sup>2</sup> vị trí nối liền với phần đất chị T và chị Ng đang sử dụng có tứ cận:

+ Hướng Đông giáp Đình thần P.

+ Hướng Tây giáp Doanh nghiệp TB (phần đất của chị T và chị Ng).

+ Hướng Nam giáp Doanh nghiệp TB và phần đất của ông Nguyễn Trung Th.

+ Hướng Nam giáp với phần đất chia cho anh Sơn, anh N, anh Phước.

- Yêu cầu tách phần đất có diện tích 200m<sup>2</sup> có nhà thờ trên đất làm nhà thờ gia tộc vì đây là ý kiến của những người thừa kế của cụ C. Phần đất còn lại có diện tích 463,7m<sup>2</sup> (796m<sup>2</sup> - 200m<sup>2</sup> - phần đất chia cho chị T, chị Ng) cho 05 đồng thừa kế còn lại.

- Bản án sơ thẩm nhận định anh N và chị T có đầu tư, sửa chữa mái tole của 02 nhà kho nhưng buộc 06 người thừa kế phải hoàn trả lại chi phí thiệt hại của toàn bộ 02 nhà kho trị giá 300.948.921 đồng (mỗi người hoàn trả cho chị T và chị Ng số tiền 50.158.000 đồng) là không hợp lý.

- Trong quá trình anh N và chị T sử dụng tài sản kinh doanh đã làm xuống cấp như nhà thờ bị đập phá, bờ kè mé sông bị sạt lở. Đồng thời anh N và chị T đã bán máy móc thiết bị nhà máy nay dùng nhà kho để chứa lúa mướn nên yêu cầu chị T phải khắc phục và bồi thường thiệt hại.

- Những tài sản của nhà thờ mà chị T đã chiếm dụng gồm một bộ bàn ghế cẩm thạch (01 bàn tròn + 04 ghế ngồi), 02 bộ ngựa gỗ đồ (01 bộ 02 tấm và 01 bộ 03 tấm), các vật dụng trong lễ cúng ở nhà thờ yêu cầu chị T và chị Ng trả lại để thờ cúng tổ tiên.

Tại đơn kháng cáo bổ sung ngày 27/4/2021, nguyên đơn đồng ý hoàn lại giá trị phần sửa chữa nhà kho theo kết quả định giá của anh N, chị T sau khi trừ phần diện tích nhà kho cũ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất nguồn gốc phần đất thửa số 01, tờ bản đồ số 16 là của vợ chồng cụ Trần Thị C. Tuy nhiên, theo bản thuyết minh ngày 02/10/2017 của Ủy ban xã P, huyện C xác định thửa đất số 01 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Trần Thị C nhưng Giấy chứng nhận đã được thu hồi, bàn giao về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. Do đó, cần thu thập hồ sơ cấp quyền sử dụng đất để xác định thửa đất 01 cấp cho hộ hay cá nhân. Đồng thời, cần làm rõ phần đất ký hiệu T4, T5, T6 tại Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/4/2021 là đất thuộc thửa 01 hay thuộc quyền sử dụng đất của chị T. Do đó, đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ làm rõ các vấn đề trên. Bản án sơ thẩm chấp nhận chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nhưng vị trí đất chia cho nguyên đơn không phù hợp với thực tế sử dụng đất. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu được chia đất theo vị trí tại sơ đồ kèm theo biên bản thẩm định ngày 12/4/2021. Nguyên đơn đồng ý hoàn giá trị chênh lệch cho bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu cho bị đơn Nguyễn Thị T, Huỳnh Kim Ng cho rằng các nguyên đơn yêu cầu xác định phần đất diện tích 796m<sup>2</sup> là di sản của cụ C là không có căn cứ theo qui định tại Điều 612 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn xác định, phần đất này là di sản của cha mẹ. Theo bản thuyết minh ngày 02/10/2017 của Ủy ban nhân dân xã P, cụ C đã đăng ký kê khai theo tài liệu 299 và sử dụng từ năm 1975 đến 1996 (bút lục 129). Cụ Huỳnh Văn V mất năm 1982 nên cần xác định thửa đất số 01 là tài sản chung của vợ chồng. Như vậy, nguyên đơn chỉ có quyền yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C là ½ thửa đất số 01. Đơn khởi kiện của nguyên đơn đề ngày 04/3/2019 nên đã quá thời hiệu chia di sản thừa kế của cụ V nên di sản thuộc quyền sở hữu của người đang quản lý di sản chị T. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, không có cơ sở nào chứng minh cụ C được công nhận quyền sử dụng 796m<sup>2</sup> đất. Theo bản thuyết minh ngày 02/10/2017 (bút lục 129), thửa đất số 932 (nay là thửa đất 01) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ C đã bị thu hồi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Đồng thời, sơ đồ

đính kèm bản án có thửa đất không liên quan là thửa đất 98, trong thửa đất 01 có thửa đất số 932 đã được cụ C cho anh N được cấp quyền sử dụng đất cho Doanh nghiệp tư nhân TB. Biên bản xác minh ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C (bút lục 146-147) lại cho rằng thửa đất 932 nằm riêng, không chung với thửa đất số 01, diện tích 976m<sup>2</sup>. Theo Biên bản họp gia đình ngày 23/02/2010, cụ C và các con thống nhất giao toàn bộ tài sản cho anh N để anh đứng tên Doanh nghiệp tư nhân TB. Sau đó, anh N đã tặng cho Nhân Doanh nghiệp tư nhân TB. Bản án sơ thẩm nhận định thửa đất số 01 là di sản của cụ C nhưng không quyết định về tài sản trên đất sẽ không đảm bảo thi hành án. Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Cần làm rõ phần đất diện tích 45m<sup>2</sup> (ký hiệu T4, T5, T6) trên Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/4/2021, là đất thuộc quyền sử dụng của chị T hay thuộc thửa đất số 01 cũng như phần diện tích đất bị thu hồi (ký hiệu T1). Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định anh Sơn mất ngày 10/10/2021 nhưng chưa đưa đầy đủ những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh tham gia tố tụng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ làm rõ các nội dung trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt Ủy ban.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “thừa kế tài sản” là đúng với tính chất của vụ án và thuộc phạm vi, thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm về tố tụng như sau: Theo đơn khởi kiện (bút lục 44) cũng như quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều không yêu cầu chia thừa kế tài sản trên đất. Tuy nhiên, tại phần [4] của bản án dân sự sơ thẩm số 162/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C nhận định như sau: tài sản trên đất là hai kho và mái che trị giá 300.948.921 đồng là tài sản của cụ C; Quá trình sử dụng vợ chồng chị T có đầu tư sửa chữa mái tole khi cụ C còn sống nhưng Hội đồng định

giá không thể xác định giá trị từng phần riêng biệt nên khi chia thừa kế quyền sử dụng đất, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị hai nhà kho nói trên là chi phí thiệt hại và chia giá trị hai nhà kho này làm 06 phần cho 06 đồng thừa kế và buộc 05 nguyên đơn là 05 đồng thừa kế mỗi người phải hoàn lại cho chị T, chị Ng (vợ và con của anh N) 50.158.000 đồng để đền bù phần mái tole được vợ chồng chị sửa chữa.

Nhận thấy, hai nhà kho và mái che được các bên cùng thống nhất là di sản của cụ C, và vợ chồng chị T chỉ tu sửa lại mái tole nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia toàn bộ giá trị tài sản này và buộc nguyên đơn giao phần giá trị tài sản mỗi người được chia cho chị T, chị Ng khi đương sự không yêu cầu giải quyết là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm thủ tục tố tụng quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời quyết định của bản án sơ thẩm như trên đã xem toàn bộ hai nhà kho và mái che là tài sản của vợ chồng chị T, mâu thuẫn với nhận định hai nhà kho là di sản của cụ C.

Trường hợp, các đương sự không yêu cầu chia tài sản trên đất, Tòa án cấp sơ thẩm cần tạm giao phần tài sản này cho các đương sự quản lý tương ứng với phần đất được chia, khi có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

## [2] Về mặt nội dung:

Đây là vụ án tranh chấp di sản thừa kế có tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất và đương sự có yêu cầu đo đạc thẩm định tài sản tranh chấp (bút lục 75) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất này, chỉ định giá đất và tài sản trên đất (bút lục 77-78). Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản trên đất tranh chấp khi đã mở phiên tòa (bút lục 203-204). Bản Trích lục bản đồ địa chính (bút lục 86) là chứng cứ được thu thập tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (theo lý do được nêu trong Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 20/2019/QĐST-DS ngày 09/9/2019 – bút lục 79), không phải là kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp. Sơ đồ chia đất cho các đương sự kèm theo bản án (bút lục 208) không phải do Tòa án thu thập trên cơ sở xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thực tế thửa đất số 01 nên không xác định được nguồn của chứng cứ này do đâu mà có. Việc không tiến hành đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp nhưng lại có sơ đồ chia đất kèm theo bản án sẽ không đảm bảo thi hành án vì không đúng với diện tích đất thực tế.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2021. Theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/4/2021, thửa đất số 01 có phần diện tích bị thu hồi là 57,8m<sup>2</sup> được ký hiệu T1 nhưng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không thể hiện. Nhận thấy, phần đất diện tích 57,8m<sup>2</sup> là một phần của thửa đất số 01, tờ bản đồ số 16, tọa lạc Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang, đang được các đương sự sử dụng và có nhà kho trên đất nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ và xem xét giải quyết khi chia thừa kế. Bên cạnh đó, qua xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/3/2021, giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về quyền sử dụng đất.

Cụ thể, chị Nguyễn Thị T cho rằng, phần đất diện tích 45m<sup>2</sup> (ký hiệu T4, T5, T6) là đất thuộc quyền sử dụng của chị về hướng Tây và hướng Nam thửa đất số 01, có nguồn gốc do chị nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Trung Th. Các nguyên đơn lại cho rằng phần đất này thuộc thửa đất 01, đối tượng tranh chấp trong vụ án chia di sản thừa kế. Như vậy, có quan hệ tranh chấp khác phát sinh là tranh chấp về quyền sử dụng đất ngoài tranh chấp chia di sản thừa kế. Tranh chấp về quyền sử dụng chưa được cấp sơ thẩm xem xét giải quyết.

Ngoài ra, tại phiên tòa, chị Huỳnh Thị Kim H cung cấp Giấy chứng tử của anh Huỳnh Thanh S mất ngày 10/10/2021 nhưng chưa xác định được đầy đủ những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của anh Sơn để tham gia tố tụng.

Từ phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những vi phạm về tố tụng và nội dung của Tòa án cấp sơ thẩm. Để đảm bảo hai cấp xét xử, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, cần hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện C giải quyết lại vụ án. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xét kháng cáo của các đương sự.

[4] Ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ bổ sung. Tuy nhiên, như phân tích trên, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm phát sinh quan hệ tranh chấp mới mà tòa án cấp phúc thẩm không thể giải quyết vì vi phạm nguyên tắc bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm (Điều 17 Bộ luật tố tụng dân sự) nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết khi vụ án được giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 26, điểm b Khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Khoản 3 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 162/2020/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.



Giao hồ sơ vụ án về cho Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thẩm quyền.

2/ Về án phí: Các anh chị Huỳnh Văn N, Huỳnh Thanh S, Huỳnh Văn Ph, Huỳnh Thị Kim H, Huỳnh Thị S không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại mỗi người là 300.000 đồng theo các biên lai số 0005964, 0005965, 0005966, 0005967, 0005968 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005914 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Thị Ánh Phương**